

khẩn, không có căn cứ đầy đủ để khen thưởng được đúng mức, hợp lý.

Trong thời gian qua có một số xí nghiệp đã áp dụng chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ sau 3 tháng, nhưng vì không quy định được nội dung công tác cụ thể cho từng bộ phận, thưởng dùng phương pháp bình nghị chung chung, trừu tượng để xét thưởng nên thưởng tràn lan, bình quân. Có nơi 100% tổng số nhân viên gián tiếp đã được thưởng, trong khi đó diện thưởng tăng năng suất cho công nhân lại hẹp. Do đó số tiền trích ra để thưởng nhiều mà tác dụng khuyến khích sản xuất thì ít, trái lại còn gây suy tỵ giữa công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên gián tiếp.

c) Tháng 1-1957 vì nhận thấy từ trước chưa có một chế độ khen thưởng nào để động viên cán bộ, nhân viên các xí nghiệp thi đua công tác, Bộ Lao động đã ban hành chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ nhằm mục đích khuyến khích thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước. Nhưng đến tháng 4-1957 Thủ tướng Phủ ban hành thông tư 133-TTg về trích lập quỹ tiền thưởng (trong đó có phần thưởng cá nhân hàng quý và cuối năm cho công nhân và cán bộ nhân viên) cũng nhằm mục đích khuyến khích các đơn vị sản xuất đi vào hạch toán kinh tế và thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước. Mục đích hai chế độ cũng có chỗ giống nhau.

Căn cứ vào nhận định ở trên và sau khi được sự đồng ý của Thủ tướng Phủ, Bộ quyết định từ nay bãi bỏ chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ sau 3 tháng (từng quý) đối với tất cả cán bộ, nhân viên các xí nghiệp nhà nước quy định tại thông tư số 3-LĐ ngày 22-1-1957 của Bộ Lao động (phần B, mục a và c).

2. Việc thi hành chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng đối với công nhân, từ nay sẽ chấn chỉnh và củng cố lại như sau:

a) Một số xí nghiệp đã thi hành chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ đối với những công nhân trực tiếp sản xuất làm công việc phức tạp không ấn định mức được rõ ràng hay không cần thiết tăng số lượng (như các công nhân các bộ phận sản xuất điện, sửa chữa máy móc, chằm dầu lau chùi máy móc, vận chuyển, cung cấp vật liệu trong giấy truyền sản xuất v.v...) và đã thu được kết quả nhất định, khuyến khích công nhân cố gắng nâng cao không ngừng chất lượng công tác của mình đảm bảo hoàn thành kế hoạch của xí nghiệp. Các xí nghiệp đó cần tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm xây dựng tiêu chuẩn, nội dung công tác và sửa đổi nội quy khen thưởng để tiến tới củng cố chế độ khen thưởng được tốt hơn. Tiêu chuẩn hay nội dung công tác phải đảm bảo tinh chất tiên tiến có tác dụng động viên công nhân phát huy tính tích cực và sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Thông tư số 3-LĐ của Bộ Lao động quy định tỷ lệ thưởng từ 3% đến 10% lương bản thân và phụ cấp khu vực (nếu có). Các ngành các xí nghiệp sẽ căn cứ vào tinh chất công tác, điều kiện hoàn thành nhiệm vụ mà quy định thưởng cao hay thấp cho thích hợp với từng nghề nghiệp. Nhưng số tiền thưởng cao nhất của một người không thể nhiều hơn số tiền thưởng cao nhất của một công nhân được thưởng tăng năng suất trong đơn vị.

b) Đối với những bộ phận công việc có thể định được mức thời gian hoặc mức sản lượng, nhưng thời gian qua ở một số xí nghiệp vì không đi sâu nghiên cứu định mức hoặc vì chưa xác định rõ hình thức khen thưởng thích hợp nên đã thực hiện thưởng hoàn thành nhiệm vụ thì nay kiên quyết chuyển qua hình thức thưởng tăng năng suất đã quy định tại thông tư số 24-LĐ ngày 30-11-1957 của Bộ Lao động.

c) Đối với những bộ phận hay cá nhân làm việc linh tinh, không có quan hệ trực tiếp trong giấy chuyên sản xuất thì không đặt vấn đề thưởng hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng nữa.

Đề nghị các Bộ, các Ủy ban Hành chính và cơ quan Lao động khu, thành phố, tỉnh có kế hoạch hướng dẫn các cơ sở củng cố và chấn chỉnh việc thực hiện chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng và bãi bỏ chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ sau 3 tháng đồng thời theo dõi đúc rút kinh nghiệm, phát hiện những mắc mứu khó khăn của cơ sở gửi cho Bộ Lao động để tiếp tục nghiên cứu đề nghị Chính phủ ban hành những chế độ thưởng thích hợp với yêu cầu sản xuất hiện nay.

Thông tư này thi hành kể từ ngày ban hành.

Hà nội, ngày 12 tháng 6 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ GIAO THÔNG VÀ BUU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 47-NĐ ngày 12-6-1958
ban hành bản điều lệ tạm thời về việc đăng ký các phương tiện vận tải đường sông, thuyền buồm đi biển và việc quản lý các kinh doanh vận tải bằng những phương tiện ấy.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BUU ĐIỆN

Căn cứ chính sách vận tải ban hành ngày 26-4-1955;

Căn cứ nghị định số 488-TTg ngày 30-3-1955 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ đăng ký các kinh doanh công thương nghiệp;

Căn cứ điều lệ tạm thời về việc cho phép và đăng ký các kinh doanh vận tải ban hành ngày 27-11-1955;

Đề đảm bảo thi hành đúng đắn chính sách vận tải, đảm bảo an toàn vận chuyển;

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Cục Đường thủy và sau khi đã trao đổi ý kiến với Bộ Tư pháp và Bộ Công an.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Nay ban hành bản điều lệ tạm thời về việc đăng ký các phương tiện vận tải đường sông, thuyền buồm đi biển và việc quản lý các kinh doanh vận tải bằng những phương tiện ấy.

Điều 2.— Bản điều lệ này thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1958. Tất cả những quy định trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3.— Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Giám đốc Cục Đường thủy, và các Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện
NGUYỄN VĂN TRẦN

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI

Về việc đăng ký các phương tiện vận tải đường sông, thuyền buồm đi biển và việc quản lý các kinh doanh vận tải bằng những phương tiện ấy

CHƯƠNG I

ĐĂNG KÝ VÀ KHÁM XÉT CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Điều 1.— **Đóng phương tiện mới.** Bất cứ ai muốn đóng một phương tiện vận tải thô sơ trong tải trên một tấn để kinh doanh vận tải hay một phương tiện cơ giới bất luận lớn nhỏ đều phải làm đơn xin phép các cơ quan giao thông vận tải nói ở điều 9 và chỉ được khởi công sau khi đã được các cơ quan ấy cho phép.

Điều 2.— **Phương tiện phải đăng ký và phương tiện không phải đăng ký.** Tất cả các phương tiện vận tải thô sơ trong tải trên một tấn và phương tiện vận tải cơ giới bất luận lớn nhỏ đều phải đăng ký trước khi sử dụng.

Những phương tiện sau đây không phải đăng ký ở ngành giao thông :

— Phà ;

— Phương tiện thô sơ trong tải từ một tấn trở xuống ;

— Phương tiện thô sơ bất luận lớn nhỏ dùng vào việc làm ruộng, đánh cá, phòng lụt và thể thao.

Điều 3. — Đơn xin đăng ký

a) Muốn xin đăng ký một phương tiện thô sơ, người chủ phương tiện phải nộp :

— Đơn xin đăng ký có chính quyền địa phương (Ủy ban Hành chính xã, ban Cán sự hành chính khu phố) hay đồn Công an chứng nhận ;

— Giấy phép đóng phương tiện nếu là phương tiện mới đóng ;

— Giấy bán phương tiện hay một giấy tờ khác chứng thực phương tiện thuộc quyền sở hữu của người xin đăng ký.

b) Muốn xin đăng ký một phương tiện vận tải cơ giới và xin cấp giấy phép lưu hành thì ngoài những giấy tờ như trên, người chủ còn phải nộp những tài liệu về đặc điểm của phương tiện, những bản vẽ ghi rõ cách bố trí, sắp xếp các buồng máy, buồng hành khách, hầm chứa hàng v.v... Ngoài ra nếu cơ quan đăng ký đòi thêm những tài liệu khác về phương tiện, người chủ phải cung cấp đầy đủ. Trường hợp phương tiện mua ở nước ngoài thì người chủ còn phải nộp giấy biên lai thu thuế nhập khẩu.

Điều 4. — Số đăng ký và tên của phương tiện

Phương tiện vận tải đã đăng ký đều có số. Khi phương tiện thay đổi chủ hoặc đưa đến hoạt động ở một khu vực khác khu vực đã đăng ký, số đăng ký cũng không thay đổi.

Riêng đối với phương tiện vận tải cơ giới, người chủ có thể đặt tên và sau khi phương tiện đã được đăng ký thì không một người nào khác được lấy tên đó đặt tên cho một phương tiện cơ giới của mình.

Số đăng ký phải viết bằng sơn hay khắc ngay vào phương tiện. Đối với phương tiện cơ giới, tên và bên chính phải kẻ thật rõ ở hai bên mạn, đằng mũi và đằng lái.

Điều 5. — Sang tên. Mỗi khi có sự thay đổi chủ như bán, đổi, cho v.v... người chủ mới phải đến cơ quan đã đăng ký phương tiện xin sang tên, chậm nhất là 15 ngày sau ngày làm giấy bán, đổi hay cho.

Điều 6. — Phương tiện thay đổi khu vực hoạt động. Khi một phương tiện vận tải đưa đi hoạt động ở một khu vực khác khu vực đã đăng ký phương tiện, nếu việc di chuyển có tính cách lâu dài hay vĩnh viễn thì người chủ phải đến khai với cơ quan đã đăng ký và xin giấy chứng nhận để nộp cho cơ quan đăng ký nơi sẽ đưa phương tiện đến hoạt động. Việc khai báo với cơ quan sau không được để chậm quá một tháng kể từ ngày cơ quan trước cấp giấy chứng nhận.

Điều 7. — Phương tiện sửa chữa lại, thay máy hoặc xin phá hủy. Trong những trường hợp sau đây, người chủ phải đến khai trình với cơ quan đã đăng ký phương tiện hay cơ quan đăng ký nơi phương tiện hoạt động nói ở điều 6 trên :

- a) đã sửa lại, làm thay đổi hẳn kiểu hay những đặc điểm chính của phương tiện;
- b) thay đổi toàn bộ máy móc;
- c) phương tiện bị mất tích, bị đắm không trục, vớt lên được;
- d) phương tiện hỏng nát, xin phá hủy.

Điều 8. — Giấy phép lưu hành.

- a) Phương tiện thô sơ trọng tải trên một tấn đến mười tấn sau khi đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký là được sử dụng ngay.
- b) Phương tiện thô sơ trọng tải trên mười tấn và phương tiện cơ giới bất luận lớn nhỏ, sau khi đã đăng ký còn phải được cấp giấy phép lưu hành mới được sử dụng.

Trong giấy phép lưu hành của phương tiện thô sơ phải ghi: tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của chủ phương tiện, số đăng ký, tên, đặc điểm của phương tiện, tính chất chuyên chở (chở hàng hóa, chở hành khách hay chuyên chở hỗn hợp), trọng tải hoặc số hành khách được phép chở.

Đối với phương tiện cơ giới thì ngoài những điểm trên, còn phải ghi:

- Số lượng các trang bị an toàn và cấp cứu;
- Số thuyền viên;
- Đặc điểm của phương tiện (vỏ, máy, kích thước, tầm sâu khi phương tiện chở đắm, tầm sâu khi phương tiện rỗng v.v...)

Nếu phương tiện được phép lại thì cũng phải ghi trong giấy phép lưu hành.

Điều 9. — Cơ quan đăng ký và cấp giấy phép lưu hành.

Việc đăng ký và cấp giấy phép lưu hành phân công như sau:

- a) Phương tiện thô sơ ở tỉnh, thành phố nào do Ty Giao thông tỉnh hay Sở vận tải thành phố ấy đăng ký và cấp giấy phép lưu hành;
- b) Phương tiện cơ giới ở khu vực nào đăng ký ở khu vực ấy.

Cục Đường thủy quy định phạm vi của mỗi khu vực và chỉ định cơ quan Giao thông hay Sở Vận tải phụ trách việc đăng ký và cấp giấy phép lưu hành cho phương tiện cơ giới trong khu vực.

Điều 10. — Bến chính. Phương tiện cơ giới đăng ký ở khu vực nào có thể lấy một bến trong tỉnh hay thành phố trong khu vực đó làm bến chính.

Điều 11. — Khám xét. Khi đăng ký tất cả các phương tiện vận tải đều phải khám xét. Phương tiện có tốt, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và đủ bảo đảm an toàn mới được đăng ký và cấp giấy phép lưu hành.

Phương tiện thô sơ trọng tải trên mười tấn và phương tiện cơ giới bất luận lớn nhỏ, ngoài lần

khám xét đầu tiên khi xin đăng ký và cấp giấy phép lưu hành, còn phải khám lại trong những trường hợp sau đây:

- hết hạn lưu hành trong giấy phép, khám đề gia hạn (khám thường kỳ).
- phương tiện đã sửa chữa hoặc đã thay đổi toàn bộ máy (trường hợp a và b trong điều 7).

Ngoài ra, đối với tất cả các loại phương tiện, kể cả phương tiện thô sơ trọng tải từ một tấn trở xuống, cơ quan Giao thông hay Vận tải có quyền khám xét bất cứ lúc nào (khám bất thường) và cấm sử dụng những phương tiện không đảm bảo an toàn.

Đối với phương tiện vận tải thô sơ trọng tải trên mười tấn và phương tiện cơ giới, việc khám xét thường kỳ quy định như sau:

- phương tiện thô sơ: mỗi năm khám toàn bộ một lần
- phương tiện cơ giới:

vỏ gỗ	: 6 tháng khám vỏ một lần
vỏ sắt	: mỗi năm khám vỏ một lần
máy chạy xăng	: 6 tháng khám máy một lần
máy hơi nước, máy dầu	: mỗi năm khám máy một lần

Đối với phương tiện cơ giới việc khám xét vỏ và máy phải kết hợp để khỏi phải khám xét làm nhiều lần ảnh hưởng đến hoạt động của phương tiện.

Điều 12. — Cơ quan khám xét. Việc khám xét các phương tiện vận tải do các cơ quan Giao thông hay Vận tải quy định ở điều 9 phụ trách.

Đối với các phương tiện cơ giới, các cơ quan khám xét khám vỏ, thử máy, kiểm soát các trang bị an toàn và cấp cứu, định số thuyền viên, đánh dấu môn nước, định trọng tải và số hành khách được phép chở.

Điều 13. — Lệ phí đăng ký khám xét. Chủ phương tiện vận tải phải nộp một khoản lệ phí trong những trường hợp sau đây:

- đăng ký và cấp giấy phép lưu hành;
- sang tên;
- khám xét thường kỳ;
- khám xét trong hai trường hợp a và b trong điều 7 trên.

Điều 14. — Trang bị an toàn và cấp cứu.

Phương tiện cơ giới phải có đủ trang bị an toàn và đồ cấp cứu, đồ cứu hỏa như cơ quan đăng ký đã ấn định trong giấy phép lưu hành.

Các loại phao phải làm đúng mẫu đã được Cục Đường thủy công nhận và phải để ở chỗ dễ lấy, không được cột lại với nhau.

Đối với phương tiện thô sơ chuyên chở hành khách Cục Đường thủy sẽ quy định số lượng phao phải có trên phương tiện.

CHƯƠNG II

THUYỀN VIÊN

Điều 15. — Thuyền viên trên phương tiện thô sơ. Phương tiện vận tải thô sơ kể cả bè, mảng phải có đủ số thuyền viên cần thiết để bảo đảm an toàn trong khi đi đường. Thuyền viên phải đủ 18 tuổi và có kinh nghiệm đi sông nước.

Điều 16. — Thuyền viên trên phương tiện cơ giới. Phương tiện cơ giới phải có thuyền trưởng có bằng cấp hay giấy chứng nhận của Cục Đường thủy để điều khiển và chịu trách nhiệm về an toàn của tàu. Chủ phương tiện dù có mặt trên tàu cũng không có quyền quyết định những công việc chuyên môn của thuyền trưởng.

Số thuyền viên kể cả thợ máy trên phương tiện do cơ quan đăng ký ấn định và ghi trong giấy phép lưu hành.

Điều 17. — Sổ thủy thủ cá nhân. Tất cả những thủy thủ làm việc trên các phương tiện cơ giới, boóc và sà lan đều được cấp một quyển sổ thủy thủ cá nhân để ghi lý lịch, loại bằng cấp và chuyên môn của từng thủy thủ, sự thuyền chuyên, những lần khen thưởng hay thi hành kỷ luật v.v...

Sổ thủy thủ cá nhân do các cơ quan Giao thông hay Vận tải phụ trách đăng ký phương tiện cơ giới cấp. Người chủ phương tiện có thể ghi nhận xét của mình về khả năng và tinh thần phục vụ của đương sự có Công đoàn xác nhận. Thủy thủ không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, ghi chép vào sổ của mình.

Điều 18. — Sổ thuyền viên. Mỗi phương tiện cơ giới phải có một quyển sổ thuyền viên để ghi danh sách thủy thủ làm việc trên phương tiện, công việc và ngày nhận việc của mỗi người.

Mỗi khi muốn thay đổi thuyền viên, chủ phương tiện phải báo cáo cho cơ quan đăng ký 10 ngày trước khi thay đổi.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ KINH DOANH VẬN TẢI

Điều 19. — Giấy phép kinh doanh.

Tất cả những cá nhân, những tổ chức nào, bất cứ là tư doanh, quốc doanh, công tư hợp doanh hay tập đoàn muốn kinh doanh vận tải bằng phương tiện thô sơ hay cơ giới đều phải có giấy phép của các cơ quan Giao thông Vận tải. Đối với quốc doanh thì vẫn kiện thành lập doanh nghiệp thay cho giấy phép kinh doanh.

Thủ tục về việc xin phép và đăng ký kinh doanh vận tải quy định trong bản điều lệ tạm thời số 344-NĐ ngày 29-11-1955 của Bộ Giao thông và Bru điện.

Điều 20. — Nội dung giấy phép kinh doanh.

Trong giấy phép kinh doanh vận tải cần ghi rõ những điểm sau đây:

— Tính chất chuyên chở (chở hành khách, chở hàng hóa hay chuyên chở hỗn hợp);

— Hành trình và các bến đậu ở dọc đường;

— Trọng tải và số hành khách được phép chở.

Điều 21. — Nội quy. Phương tiện chuyên chở hành khách phải có nội quy được cơ quan đăng ký duyệt. Nội quy phải nêu rõ trách nhiệm của thuyền trưởng, của thuyền viên và những điều cần thiết mà hành khách phải tuân theo để bảo đảm an toàn và vệ sinh.

Nội quy phải niêm yết trên phương tiện.

Ngay chỗ hành khách ngồi phải niêm yết:

— Hành trình của phương tiện và các bến đậu ở dọc đường;

— Giá vé hành khách;

— Số hành khách và trọng tải tối đa được phép chở.

Điều 22. — Chỗ ngồi của hành khách. Phương tiện vận tải phải bố trí đủ chỗ ngồi cho số hành khách được phép chở. Chỗ ngồi của hành khách phải ngăn cách với buồng máy và được che mưa nắng.

Điều 23. — Xếp hàng hóa. Hàng hóa phải được xếp gọn trong hầm chứa hàng hoặc ở sàn (khoang). Sau khi đã xếp hết chỗ trong hầm hoặc sàn, hàng nhẹ có thể xếp lên mũi nhưng không được xếp cao quá 50cm.

Ca-nô không được xếp hàng hóa lên mũi trụ xe đạp, nhưng xe phải để nằm và không được xếp quá hai chiếc lên nhau.

Điều 24. — Vệ sinh. Phương tiện chở hành khách lúc nào cũng phải giữ gìn sạch sẽ. Nếu chở súc vật và hàng hóa hôi tanh thì cần phải sắp xếp, bố trí để hành khách không phải khó chịu và đảm bảo được vệ sinh trên phương tiện.

Điều 25. — Sổ khiếu nại. Trên mỗi phương tiện chở hành khách phải có một quyển sổ để hành khách tự tay ghi những điều khiếu nại. Sổ do cơ quan Giao thông hay Vận tải ký và đánh số trang. Mỗi khi hành khách yêu cầu, thuyền trưởng hay chủ tàu bắt buộc phải đưa sổ không được vì một cơ gì mà từ chối. Điều này phải ghi vào nội quy và niêm yết cho hành khách biết.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN PHỤ

Điều 26. — Cảnh sát y tế. Người làm vận tải công cộng phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi thể lệ về cảnh sát y tế trong việc chuyên chở người

mắc bệnh truyền nhiễm, người chết, người sinh đẻ trong khi đi đường, súc vật bị dịch tễ, v.v... Thẻ lệ ấy do cơ quan Y tế quy định.

Điều 27. — Chuyên chở chất nguy hiểm. Thẻ lệ về việc chuyên chở chất nguy hiểm như thuốc nổ, chất bắt lửa (dầu xăng dầu thấp, v.v...) sẽ được quy định riêng.

Điều 28. — Giấy tờ cần thiết phải có trên phương tiện vận tải :

a) Phương tiện thô sơ trọng tải trên một tấn đến mười tấn phải có giấy chứng nhận đăng ký.

b) Phương tiện thô sơ trọng tải trên mười tấn phải có :

- Giấy chứng nhận đăng ký
- Giấy phép lưu hành
- Sổ khám phương tiện.

c) Phương tiện cơ giới bất luận lớn, nhỏ, ngoài các giấy tờ ghi ở điểm b trên phải có thêm sổ thuyền viên.

d) Phương tiện kinh doanh vận tải phải có thêm :

- Giấy phép kinh doanh ;
- Sổ khiếu nại nói ở điều 25, nếu là phương tiện cơ giới chuyên chở hành khách hay làm vận tải hỗn hợp.

Tất cả các giấy tờ trên lúc nào cũng phải mang theo phương tiện để xuất trình khi các cơ quan có trách nhiệm kiểm soát hỏi đến.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ CÁC VỤ VI PHẠM THẺ LỆ

Điều 29. — Hình phạt. Tùy theo trường hợp nặng, nhẹ, người vi phạm thẻ lệ vận tải này bị trừng phạt bằng một hoặc nhiều hình phạt sau đây :

a) Phê bình, cảnh cáo ;

b) Phạt tiền từ 1.000đ đến 50.000đ (phương tiện thô sơ) từ 5.000đ đến 500.000đ (phương tiện cơ giới). Về mức phạt tiền xem phụ bản đính kèm ;

c) Thu hồi có thời hạn hay vĩnh viễn giấy phép lưu hành, giấy phép kinh doanh ;

d) Truy tố trước tòa án trong những trường hợp dưới đây :

- Người vi phạm thẻ lệ không chịu sự xử lý của các cơ quan cảnh sát giao thông ;
- Vi phạm nhiều lần đã được cảnh cáo nhưng không chịu sửa chữa.

Điều 30. — Cán bộ có thẩm quyền lập biên bản.

Các cán bộ nhân viên dưới đây có quyền lập biên bản những vụ vi phạm thẻ lệ vận tải :

— Cảnh sát các cấp ;

— Trưởng, phó ty Giao thông các tỉnh, Chánh, phó Giám đốc Sở Vận tải thành phố,

Chánh phó Giám đốc Cục Đường thủy và những nhân viên được các cán bộ ấy ủy nhiệm.

Điều 31. — Quyền hạn xử lý của các cơ quan kiểm soát :

a) Trưởng, phó đồn Công an phạt tiền đến mức 5.000đ

b) Đại đội trưởng, đại đội phó Cảnh sát giao thông thành phố, Trưởng, phó ty công an tỉnh phạt tiền đến mức 50.000đ

c) Chánh, Phó Giám đốc Khu, Sở Công an phạt tiền đến mức 500.000đ.

d) Trưởng, phó ty Công an tỉnh trở lên tạm thời thu hồi giấy phép kinh doanh rồi đề nghị với các cơ quan đã cấp những giấy phép đó thu hồi chính thức ;

e) Trưởng, phó ty Giao thông tỉnh, Chánh, phó Giám đốc Sở Vận tải thành phố, Khu Giao thông, các Khu Tự trị, Chánh Phó Giám đốc Cục Đường thủy thu hồi giấy phép lưu hành và giấy phép kinh doanh.

f) Trưởng ty Công an và Trưởng ty Giao thông trở lên có quyền truy tố trước tòa án.

CHƯƠNG VI

PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA THẺ LỆ, QUYỀN HẠN CỦA CỤC ĐƯỜNG THỦY, ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC KHU TỰ TRỊ, THÀNH PHỐ VÀ TỈNH

Điều 32. — Phạm vi áp dụng.

Điều lệ này thi hành đối với tất cả các phương tiện vận tải đường sông không phân biệt thô sơ hay cơ giới và tất cả các thuyền buồm đi bể, bất luận những phương tiện ấy là của tư nhân, của đoàn thể hay các cơ quan nhà nước.

Điều lệ này không thi hành đối với :

— Phương tiện vận tải của Quân đội ;

— Phương tiện dùng để đánh cá, làm ruộng, phòng lụt, phương tiện chơi thể thao ;

— Phà và đò ngang phục vụ cho đường bộ.

Điều 33. — Quyền hạn của Cục Đường thủy, của Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị, các thành phố và tỉnh.

Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị, các thành phố và tỉnh có quyền quy định một số điểm chi tiết thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương và không trái với tinh thần điều lệ này để thi hành trong các Khu Tự trị, thành phố hay tỉnh. Quyền này cũng dành cho Cục Đường thủy được quy định những chi tiết thi hành điều lệ trong cả nước.

Ban hành kèm theo nghị định số 47-ND ngày 12 tháng 6 năm 1958.

Hà nội, ngày 12 tháng 6 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Đuơng điện

NGUYỄN VĂN TRẦN

QUY ĐỊNH MỨC PHẠT TIỀN ĐỐI VỚI CÁC VỤ VI PHẠM THỂ LỆ VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG

A. — Phương tiện thô sơ (từ 1.000 đến 50.000đ)

1. — Từ 1.000 đ đến 5.000 đ.

- a) Sử dụng những phương tiện chưa đăng ký
- b) Phương tiện thay đổi chủ không xin sang tên
- c) Đưa phương tiện đến hoạt động ở một khu vực khác không trình báo

d) Thiếu sót về sổ sách giấy tờ

e) Đóng phương tiện mới không có giấy phép

2. — Từ 2.000 đ đến 20.000 đ

- a) Sử dụng những phương tiện chưa có giấy phép lưu hành

b) Thiếu trang bị an toàn và đồ cấp cứu

c) Hàng hóa xếp không đúng quy cách

d) Không đủ số thuyền viên

3. — Từ 10.000 đ đến 50.000 đ

- a) Chưa có giấy phép kinh doanh đã kinh doanh

- b) Chở quá trọng tải, quá số hành khách được phép chở

- c) Phương tiện bị hư hỏng nhiều, không sửa chữa, vẫn cho chạy.

B. — Phương tiện cơ giới (từ 5.000 đ đến 500.000 đ)

1. — Từ 5.000 đ đến 50.000 đ

- a) Phương tiện thay đổi chủ không xin sang tên

- b) Thay đổi thuyền viên không trình báo

- c) Tàu chở hành khách không có nội quy, nội quy chưa được duyệt, nội quy không niêm yết, giá cước không niêm yết.

d) Mất vệ sinh trên phương tiện

2. — Từ 20.000 đ đến 100.000 đ

- a) Sử dụng phương tiện chưa đăng ký hoặc chưa có giấy phép lưu hành

- b) Không đủ số thuyền viên đã định, thuyền trưởng, thợ máy không có bằng cấp hay giấy chứng nhận của Cục Đường thủy

c) Không đưa sổ khiếu nại cho hành khách

- d) Hết hạn lưu hành không đưa phương tiện đến khám

- e) Tự ý thay đổi tính chất chuyên chở, — kinh doanh ở những luồng đường không được phép kinh doanh.

3. — Từ 50.000 đ đến 500.000 đ

- a) Chưa có giấy phép kinh doanh đã kinh doanh

b) Thiếu trang bị an toàn và cấp cứu

- c) Phương tiện bị hư hỏng nhiều dễ xảy ra tai nạn, không sửa chữa vẫn cho chạy.

- d) Chở quá trọng tải, quá số hành khách được phép chở.

Đính kèm điều lệ tạm thời về việc đăng ký các phương tiện vận tải đường sông và thuyền buồm đi biển và việc quản lý các kinh doanh vận tải bằng những phương tiện ấy.

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện
NGUYỄN VĂN TRẦN